



CSI CTCP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM VIETNAM CONSTRUCTION SECURITIES JSC

Hội sở: Tầng 11, Tòa nhà TNR, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
 Head office: 11th floor, TNR Building, 54A Nguyen Chi Thanh, Dong Da, Hanoi
 Chi nhánh: Tầng 20, Tòa nhà TNR, 180 – 192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, HCM
 Branch: 20th floor, TNR Building, 180-192 Nguyen Cong Tru, District 1, HCM
 Tel/电话: (+84) 24 3926 0099 Website/官网: vncsi.com.vn

HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN VÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ TIỆN ÍCH

CONTRACT FOR OPENING ACCOUNT AND REGISTRATION OF UTILITY SERVICES

(Kièm Giấy đề nghị mở tài khoản và Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ tiện ích giao dịch chứng khoán)

(Also Request form for opening account and Registration form for using utility services)

Số/Number:

Số tài khoản/ Account Number	1	0	2							
---------------------------------	---	---	---	--	--	--	--	--	--	--

Hôm nay, ngàytháng.....năm....., tại Công ty Cổ phần Chứng Khoán Kiến Thiết Việt Nam, chúng tôi gồm:
 Today, , at Vietnam Construction Securities JSC, we include:

BÊN A: KHÁCH HÀNG/ PART A: CUSTOMER

Họ và tên/ Full name:..... Giới tính/ Sex:.....

Ngày sinh/ Date of birth:..... Quốc tịch/ Nationality:.....

Số CMND/Thẻ CCCD/Giấy CNĐKKD/Hộ chiếu/Giấy tờ khác – ID card/Passport No./Business lisencc/Other:

Ngày cấp/ Issued date: Nơi cấp/ Issued by:.....

Địa chỉ thường trú/ Permanent Address:.....

Địa chỉ liên hệ/ Contract Address:

Điện thoại/Tel:..... Email:.....

Mã số thuế/Tax code:.....

Nơi làm việc/ Workplace:..... Chức vụ/ Position:.....

Số tài khoản NH/ Account Number:..... Tên ngân hàng/Bank:.....

Họ tên Người đại diện (Đối với tổ chức)/ Full name of Representative (For organizations):.....

Chức vụ/ Position:

Giấy ủy quyền số/ Authorization number:..... Ký ngày/ Signed date:.....

Số CMND/Thẻ CCCD của người đại diện – ID card of representative:.....

Ngày cấp/ Issued date:..... Nơi cấp/ Issued by:.....

Địa chỉ liên hệ/ Contract Address:

Điện thoại/Tel:..... Email:.....

(Sau đây gọi tắt là "Khách hàng" hoặc "Chủ tài khoản")/(Hereinafter referred to as "Customer" or "Account Holder")

BÊN B: CTCP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM/PART B: VIETNAM CONSTRUCTION SECURITIES JSC

Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà TNR, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Address: 11th floor, TNR Building, 54A Nguyen Chi Thanh, Dong Da, Hanoi

Điện thoại/Tel: (+84) 24 926 0099 Fax: (+84) 24 926 3411 Website: www.vncsi.com.vn

Giấy phép thành lập & hoạt động: 96/UBCK-GP do UBCK Nhà nước cấp ngày 21/08/2008

Business License No. 96 / UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 21/08/2008



Số tài khoản: 1221 0000 477 958 Tại ngân hàng: Đầu tư & Phát triển VN - Chi nhánh Hà Thành Mã số thuế: 0102973463

Account number: 1221 0000 477 958 At bank: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam

Mã số thuế/Tax code: 0102973463

Người đại diện/Representative: ÔNG HOÀNG XUÂN HÙNG/Mr.HOANG XUAN HUNG

Chức danh/Title: TỔNG GIÁM ĐỐC/General Director

Theo giấy ủy quyền số/By authorization document number: 2611/2019/UQ-VNCS Ngày/Date: 26/11/2019

(Sau đây gọi tắt là "Công ty Chứng khoán" hoặc "CSI") / (Hereinafter referred to as "Securities Company" or "CSI")

Bên A và Bên B đã thống nhất ký kết Hợp đồng Mở tài khoản & Đăng ký Dịch Vụ Tiện Ích (Kiêm Giấy đề nghị mở tài khoản và Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ tiện ích giao dịch chứng khoán) (Sau đây gọi là "**Hợp đồng**") và chịu sự ràng buộc của các cam kết tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Mở Tài Khoản & Đăng ký Dịch Vụ Tiện Ích đính kèm theo giấy này và là một phần cơ bản của Hợp đồng.

*Party A and Party B have agreed to sign the Contract for Opening Account & Registration of Utility Services (Also Request paper for opening account and Registration paper for using utility services) (Hereinafter referred to as "**Contract**") and is bound by the commitments in the Terms and Conditions of Opening Account & Registrating Utility Services attached to this form and is a fundamental part of the Contract).*

KHÁCH HÀNG/CUSTOMER
(Ký và ghi rõ họ tên/Sign and write full name)

CTCP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
VIETNAM CONSTRUCTION SECURITIES JSC

Chữ ký mẫu của khách hàng <i>Sample signature of the Customer</i>	Phần dành cho CTCK <i>Section for the Securities Company</i>	
	Nhân viên mở TK <i>Employee opening account</i>	Trưởng phòng <i>Manager</i>

Nhân viên Mở tài khoản xác nhận rằng: Đã đối chiếu thông tin cá nhân của Khách hàng với giấy tờ chứng thực cá nhân bản gốc và Khách hàng trên đã tự tay ký vào Hợp đồng này cùng các giấy tờ có liên quan tới việc mở tài khoản trước sự chứng kiến của tôi.
Employee Opening account confirms that: The Customer's personal information has been compared with the original personal identification documents and the Customer has personally signed this Contract with the documents related to the opening account in front of my witness.



THÔNG TIN VỀ KHÁCH HÀNG & ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ TIỆN ÍCH

A. INFORMATION ABOUT CUSTOMERS & REGISTRATION OF UTILITY SERVICES

I. Thông tin về người ủy quyền giao dịch (nếu có)/Information on the authorizer (if any):

- Họ và tên/Full name:..... Giới tính/Sex:.....
- Ngày sinh/Date of birth:..... Quốc tịch/Nationality:.....
- Số CMND/Thẻ CCCD/Giấy CNĐKKD/Hộ chiếu/Giấy tờ khác – ID card/Passport No./Business lisencc/Other:
.....
- Ngày cấp/Issued date:..... Nơi cấp/Issued by:.....
- Số điện thoại liên hệ/Tel:.....
- Mối quan hệ với khách hàng/Relationship with customer:.....
- Giấy tờ kèm theo/Attached documents:.....

II. Thông tin về người có quyền/lợi ích tài chính đối với tài khoản/Information about people with financial rights/interests on the account:

- Họ và tên/Full name:..... Giới tính/Sex:.....
- Ngày sinh/Date of birth:..... Quốc tịch/Nationality:.....
- Số CMND/Thẻ CCCD/Giấy CNĐKKD/Hộ chiếu/Giấy tờ khác – ID card/Passport No./Business lisencc/Other:
.....
- Ngày cấp/Issued date:..... Nơi cấp/Issued by:.....
- Mối quan hệ với khách hàng/Relationship with customer:.....
- Số điện thoại liên hệ/Tel:.....

III. Thông tin liên quan đến chứng khoán & kiến thức đầu tư của Khách hàng/Information related to securities & Customer's investment knowledge:

- Loại chứng khoán đầu tư: Cổ phiếu Trái phiếu Chứng chỉ quỹ Chứng khoán phái sinh
Types of investment securities: Share Bonds Fund Certificates Derivative Securities
- Phương thức giao dịch: Trực tiếp tại quầy giao dịch của CSI Thông qua giao dịch trực tuyến tại Mục IX
Trading method: Directly at CSI transaction counter Through online transactions in Section IX
- Mục tiêu đầu tư: Ngắn hạn Trung hạn Dài hạn
Investment objectives: Short-term Mid-term Long-term
- Mức độ chấp nhận rủi ro: Đầu tư rủi ro thấp Đầu tư rủi ro TB Đầu tư rủi ro cao
Level of risk tolerance: Low risk investment Medium risk investment High risk investment
- Kinh nghiệm đầu tư: Không có Cổ phiếu Trái phiếu Chứng chỉ quỹ Chứng khoán phái sinh
In vestment experience: Not available Share Bonds Fund Certificates Derivative Securities
- Kiến thức đầu tư: Không có Hạn chế Khá Tốt
Investment knowledge: Not available Limit Enough Good

IV. Thông tin Công ty đại chúng/quỹ đại chúng mà Khách hàng nắm giữ/được bổ nhiệm chức danh quản lý/là người nội bộ (nếu có)/Information of public companies / public funds that customers hold/be appointed manager/be internal person (if any):

- Tên công ty đại chúng/quỹ đại chúng - Name of public company/public fund:.....
- Chức vụ nắm giữ/Position:.....



- Thành viên HĐQT, HĐQTV, BKS, BKTNB/*Members of the Board of Directors, Board of Members, Supervisory Board, Internal Audit Committee;*
- Thành viên Ban đại diện quỹ thành viên chứng khoán đại chúng/*Member of the Representative Board of the public securities member fund;*
- Thành viên Ban điều hành công ty quản lý quỹ/*Member of Executive Board of fund management company;*
- Chủ tịch công ty; (Tổng) Giám đốc; Phó (Tổng) Giám đốc hoặc chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT bổ nhiệm, chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty/*Chairman; (General) manager; Deputy (General) Director or equivalent manager title appointed by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, another managerial title authorized on behalf of the company to sign transaction of company;*
- Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính, Người phụ trách kế toán/*Financial Director, Chief Accountant, Chief Financial Officer, Person in charge of accounting;*
- Người đại diện theo pháp luật, Người được ủy quyền công bố thông tin/*Legal representative, authorized person disclosing information*

V. Thông tin công ty đại chúng/quỹ đại chúng mà Khách hàng sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết/chứng chỉ quỹ (nếu có)/*Information of public companies/public funds that customers own from 5% or more of outstanding shares with voting rights/fund certificates (if any)*

1. Tên công ty đại chúng/quỹ đại chúng - *Name of public company/public fund*:.....
Tỷ lệ sở hữu/*Ownership rate*:.....
2. Tên công ty đại chúng/quỹ đại chúng - *Name of public company/public fund*:.....
Tỷ lệ sở hữu/*Ownership rate*:.....
3. Thông tin người có liên quan của Khách hàng là người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng, nắm giữ các vị trí được liệt kê tại Mục IV hoặc sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết/chứng chỉ quỹ trong một công ty đại chúng/quỹ đại chúng - *Information of the related person of the Customer that is an internal person of a public company/public fund, holding positions listed in Section IV or owning 5% or more of outstanding shares with voting rights/fund certificates in a public company/public fund*
Họ và tên/*Full name*:.....Nghề nghiệp/*Occupation*:.....Chức vụ/*Position*:.....
Mối quan hệ với khách hàng/*Relationship with customer*:.....

VI. Thông tin về tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán khác/*Information about trading account at other securities companies:*

1. Số tài khoản/*Account number*:..... Tên công ty chứng khoán/*Name of securities company*:.....
2. Số tài khoản/*Account number*:..... Tên công ty chứng khoán/*Name of securities company*:.....
3. Số tài khoản/*Account number*:..... Tên công ty chứng khoán/*Name of securities company*:.....

VII. Thông tin về người tư vấn mở tài khoản giao dịch chứng khoán/*Information about consultants opening trading accounts*

- Họ và tên/*Full name*:.....
- Số chứng chỉ hành nghề/*Number of practice certificate*:.....
- Loại CCHN/*Type of practice certificate*:.....
- Quan hệ với khách hàng/*Relationship with customer*:.....





VIII. Phương thức quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán/Method of managing securities transaction deposits

	Có/Yes	Không/No
1. Khách hàng mở tài khoản trực tiếp tại Ngân hàng thương mại do CSI lựa chọn/ <i>Customer opens account directly at Commercial Bank selected by CSI.</i>		
2. CSI mở tài khoản chuyên dụng tại Ngân hàng thương mại để quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán/ <i>CSI opens a dedicated account at Commercial Bank to manage securities transaction deposits</i>		

IX. Đăng ký sử dụng giao dịch trực tuyến & dịch vụ tiện ích/Register to use online transactions & utility services

	Có/Yes	Không/No
1. Giao dịch qua số điện thoại/ <i>Trade via phone number</i> a)..... b).....		
2. Giao dịch trực tuyến/ <i>Online Trading:</i> Tên đăng nhập/ <i>User name:</i>		
Nếu "Có" KH lựa chọn 1 trong ba hình thức dưới đây <i>If "Yes", select one of the three forms below:</i>		
1.1. Sử dụng thẻ ma trận khi giao dịch trực tuyến/ <i>Use matrix card when trading online</i> Số Thẻ/ <i>Card Number:</i>		
1.2. Sử dụng OTP qua SMS/ <i>Use OTP via SMS</i>		
1.3. Sử dụng chữ ký số khi giao dịch trực tuyến/ <i>Use digital signatures when trading online</i>		
3. Ứng trước tiền bán chứng khoán tự động/ <i>Advance of selling securities automatically</i>		
4. Nhận kết quả giao dịch & sao kê tài khoản/ <i>Receive transaction results & account statements:</i>		
- Tại CSI/ <i>At CSI.</i>		
- Tin nhắn SMS về số điện thoại đã đăng ký ở trên (Ngoại trừ nhận sao kê tài khoản)/ <i>SMS message on the phone number registered above (Except for receiving account statements)</i>		
- Email đã đăng ký thông tin với CSI/ <i>Email has registered information with CSI</i>		

XI. Đăng ký sử dụng dịch vụ chuyển tiền ra ngoài/ Register to use the money transfer

1. Khách hàng là Nhà đầu tư nước ngoài đăng ký Tài khoản đầu tư vốn đầu tư gián tiếp/*Customer is a foreign investor registering an investment account with indirect investment*

TT No.	Tên chủ tài khoản <i>Account name</i>	Số tài khoản <i>Account number</i>	Ngân hàng/ Chi nhánh <i>Bank/Branch</i>	Khách hàng ký xác nhận <i>Customer signs to confirm</i>
1				

2. Khách hàng là Nhà đầu tư trong nước đăng ký Tài khoản chuyển khoản tiền ra ngoài CSI/*Customer is a domestic investor registering an account to transfer money outside CSI*

TT No.	Tên chủ tài khoản <i>Account name</i>	Số tài khoản <i>Account number</i>	Ngân hàng/ Chi nhánh <i>Bank/Branch</i>	Khách hàng ký xác nhận <i>Customer signs to confirm</i>
1				
2				
3				



A. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ TIỆN ÍCH

B. TERMS AND CONDITIONS OF OPENING SECURITIES TRADING ACCOUNT AND USING UTILITY SERVICES

Các Điều Khoản và Điều Kiện mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Khoán & Dịch vụ tiện ích này (“Các Điều khoản và Điều Kiện”) cấu thành một phần của Hợp đồng.
Terms and Conditions for opening this Securities Trading Account & Utility Services (“Terms and Conditions”) forms a part of the Contract.

Điều 1: Giải thích thuật ngữ/ *Article 1: Interpretation of terms*

- 1.1. “Tài khoản” hoặc “Tài khoản giao dịch chứng khoán” là tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng mở tại Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI). Tài khoản được hiểu bao gồm Tài khoản lưu ký chứng khoán tại CSI, Tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán tại Ngân hàng thương mại do CSI chỉ định, Tài khoản giao dịch ký quỹ (nếu có) và các Tiểu khoản.
“Account” or “Securities Trading Account” is the Customer’s securities trading account opened at Vietnam Construction Securities JSC (CSI). The account is understood to consist of a securities depository account at CSI, a securities trading deposit account at the Commercial Bank appointed by CSI, a margin trading account (if any) and sub-accounts.
- 1.2. “Tiểu khoản” hoặc “Số tiểu khoản” được hiểu là số hiệu nhận dạng của Khách hàng cho việc thực hiện giao dịch tại CSI. Khách hàng có thể được cấp nhiều số tiểu khoản khác nhau. Các tiểu khoản và tài khoản lưu ký của Khách hàng đều có sự liên kết với nhau và được xác định trên cơ sở thông tin cá nhân của Khách hàng.
“Sub-account” or “Sub-account number” is understood as the identification number of the Customer for performing the transaction at CSI. The Customer may be issued different sub-account numbers. The Customer’s sub-accounts and depository accounts are linked and identified on the basis of Customer’s personal information.
- 1.3. “Giao dịch” là hợp đồng/thỏa thuận được ký kết, thực hiện bởi Khách hàng làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của Khách hàng.
“Transaction” means contract/ agreement signed and performed by the Customer that incurs, changes or terminates the rights and obligations of the Customer.
- 1.4. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và/ hoặc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và/hoặc Sở giao dịch chứng khoán được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
“Stock Exchange” means Hanoi Stock Exchange and/or Ho Chi Minh City Stock Exchange and/or Stock Exchange established under Vietnamese law.
- 1.5. “Giao dịch trực tuyến” là các giao dịch phù hợp với các dịch vụ mà CSI cung cấp cho khách hàng được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điện thoại, internet, tin nhắn SMS, email và các phương tiện điện tử khác liên quan đến chứng khoán, tiền gửi trên tài khoản của Khách hàng mở tại CSI.
“Online transactions” are transactions in accordance with the services provided by CSI to customers through electronic means, including but not limited to telephone, internet, SMS, email and other electronic means related to securities, deposits on Customer’s accounts opened at CSI.
- 1.6. “Dịch vụ tiện ích” là các dịch vụ do CSI cung cấp cho Khách hàng tùy từng thời điểm để hỗ trợ KH thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán và tiền trên các tài khoản giao dịch của KH bao gồm nhưng không giới hạn ở các dịch vụ liên quan đến giao dịch trực tuyến như đặt lệnh qua điện thoại, đặt lệnh giao dịch trực tuyến qua internet, nhận thông báo khớp lệnh SMS, ứng trước tiền bán chứng khoán trực tuyến, chuyển khoản tiền trực tuyến, đăng ký thực hiện quyền mua chứng khoán trực tuyến, tra cứu thông tin tài khoản trực tuyến, chuyển chứng khoán giữa các tiểu khoản, bán cổ phiếu lô lẻ trực tuyến, dịch vụ ứng trước tiền bán tự động...
“Utility services” are services provided by CSI to the Customer from time to time to support Customer to perform transactions related to securities and money on Customer’s trading accounts including but not limited to services related to online transaction such as placing orders via phone, placing online trading orders via internet, receiving SMS matching notice, advance money for selling securities online, transferring money online, registering to exercise the right to buy securities online, looking up online account information, transferring securities between sub-accounts, sell odd-lot stocks online, pre-sale automatic money services
....
- 1.7. “Mật khẩu giao dịch” là mật mã để thực hiện các giao dịch qua điện thoại. Việc sử dụng mật khẩu giao dịch để thực hiện giao dịch được xem như Khách hàng đã ký/xác nhận các giao dịch do mình thực hiện cho CSI.
“Trading password” is the password to make remote transactions over the phone. The use of the trading password to perform the transaction is considered as the fact that the Customer has signed the transaction directly to CSI.
- 1.8. “Tên đăng nhập” là dãy ký tự do CSI cung cấp cho Khách hàng, dùng để đăng nhập vào hệ thống giao dịch trực tuyến của CSI. CSI sẽ cung cấp cho Khách hàng khi Khách hàng đăng ký dịch vụ giao dịch trực tuyến.
“Login name” is a sequence of characters provided by CSI, used to log into the CSI online trading system. CSI will provide the Customer when the Customer registers for online transaction service.
- 1.9. “Mật khẩu đăng nhập” là mật mã lớp thứ nhất dùng để truy cập vào hệ thống giao dịch trực tuyến của CSI. CSI sẽ cung cấp cho Khách hàng khi khách hàng đăng ký dịch vụ giao dịch này.



"Login password" is the first-class code used to access CSI online trading system. CSI will provide the Customer when the Customer registers for this transaction service.

- 1.10. **"Thẻ ma trận"** là dãy số ma trận trên Thẻ ma trận (đây là mật mã lớp thứ hai) mà CSI cung cấp cho Khách hàng khi Khách hàng đăng ký dịch vụ giao dịch trực tuyến. Khách hàng sử dụng dãy số ma trận trên Thẻ ma trận để truy cập vào hệ thống giao dịch trực tuyến của CSI và thực hiện các giao dịch.

"Matrix card" is the sequence of matrix numbers on the Matrix Card (this is the second class code) that CSI provides to Customer when Customer registers for online trading service. Customers use the matrix number on the Matrix Card to access the online trading system of CSI and perform transactions.

- 1.11. **"Mật mã OTP"** là dãy số do nhà mạng gửi tin nhắn về điện thoại của Khách hàng theo số điện thoại Khách hàng đã đăng ký giao dịch trực tuyến (đây là mật mã lớp thứ hai). Khách hàng sử dụng mật mã này để truy cập vào hệ thống giao dịch trực tuyến của CSI và thực hiện các giao dịch.

"OTP code" is a sequence of numbers sent by the network to the Customer's phone according to the phone number Customer has registered for online transaction (this is the second class code). Customer uses this code to access CSI online trading system and perform transactions.

- 1.12. **"Thông báo"** là một hình thức CSI gửi các thông tin tới Khách hàng như thông tin giao dịch, thông tin về các dịch vụ của CSI, sao kê tài khoản, kết quả giao dịch... theo các phương thức của CSI lựa chọn: gửi qua đường bưu điện, điện thoại, fax, email hoặc đăng tải trên website của CSI hoặc theo các hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

"Notice" is a form of CSI sending information to Customer such as transaction information, information about CSI services, account statements, transaction results ... according to the methods of CSI selected: sending by post, phone, fax, email or posting on the website of CSI or in other forms in accordance with the provisions of the Law.

- 1.13. **"Chứng từ điện tử"** là thông điệp dữ liệu về hoạt động nghiệp vụ chứng khoán được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử trong hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến.

"Electronic voucher" means a data message about securities operations created, sent, received and stored by electronic means in online securities trading activities.

- 1.14. **"Phiếu lệnh điện tử"** là thông điệp dữ liệu ghi lại những dữ liệu Khách hàng đã đặt lệnh giao dịch qua hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến của CSI tại một thời điểm nhất định mà chỉ có Khách hàng truy cập được vào hệ thống đó thông qua Mật khẩu giao dịch, Mật khẩu đăng nhập, Mật mã OTP, Thẻ ma trận để truy cập và đặt lệnh.

"Electronic order card" is a data message recording the data that Customer has placed trading orders via CSI online trading system at a certain time and only the Customer can access the system through Transaction Password, Login Password, OTP Password, Matrix Card to access and place orders.

Điều 2: Mục đích của Hợp đồng/ Article 2: Purpose of the Contract

- 2.1 Bằng Hợp đồng này, Khách hàng đồng ý mở Tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên Khách hàng để thực hiện các giao dịch cho Khách hàng. Đồng thời, Khách hàng đề nghị CSI cung cấp các dịch vụ được ghi nhận trong Hợp đồng này và đồng ý thanh toán cho CSI các khoản phí theo quy định của Hợp đồng.

By this Contract, Customer agrees to open a securities trading account in the name of the Customer to perform transactions for the Customer. At the same time, Customer requests CSI to provide the services recorded in this Contract and agree to pay CSI fees in accordance with the Contract.

- 2.2 Công ty chứng khoán sẽ cung cấp các dịch vụ sau cho Khách hàng:

Khách hàng đồng ý để CSI cung cấp cho Khách hàng đồng thời CSI cũng đồng ý cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán bao gồm:

Securities Company will provide the following services to Customer:

Customer agrees to allow CSI to provide to Customer and CSI also agrees to provide securities trading services including:

- 2.2.1 Mở tài khoản giao dịch chứng khoán;

Open a securities trading account;

- 2.2.2 Quản lý tiền và chứng khoán trong tài khoản giao dịch của Khách hàng;

Manage money and securities in Customer's trading account;

- 2.2.3 Quản lý tiền, tài sản khác liên quan đến giao dịch chứng khoán theo thỏa thuận với Khách hàng và phù hợp với chức năng của CSI;

Manage money and other assets related to securities transactions as agreed with the Customer and in accordance with the functions of CSI;

- 2.2.4 Thực hiện giao dịch tiền, chứng khoán theo lệnh của khách hàng và/hoặc người được Khách hàng ủy quyền;

Performing money and securities transactions by order of customer and/or authorized customer;

- 2.2.5 Thực hiện lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán cho Khách hàng qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo ủy quyền của Khách hàng; lưu ký chứng khoán của Khách hàng tại CSI đối với chứng khoán của Khách hàng chưa được đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

- 2.2.5 Performing custody, clearing and registering securities for Customer through Vietnam Securities Depository Center under Customer's authorization; Securities custody of Customer at CSI for Customer's securities that has not been registered for central depository at Vietnam Securities Depository Center;



2.2.6 Thực hiện các dịch vụ/giao dịch khác theo thỏa thuận giữa hai bên vào từng thời điểm và phù hợp với quy định của Pháp luật.
Perform other services/transactions as agreed between the two parties from time to time and in accordance with the provisions of the Law.

Điều 3: Phí dịch vụ, thuế/ Article 3: Service fee and tax

- 3.1 Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí dịch vụ, thuế theo biểu phí của CSI quy định từng thời kỳ phù hợp với quy định của Pháp luật. Các khoản Phí dịch vụ, thuế theo quy định tại Hợp đồng này được áp dụng theo từng thời kỳ và được CSI công bố tại website hoặc tại Chi nhánh, Phòng giao dịch của CSI;
Customer is obliged to pay service fees and tax according to the tariff schedule of CSI in each period in accordance with the provisions of the Law. Service fees and tax prescribed in this Contract shall be applied from time to time and shall be announced by CSI at the website or at Branch and Transaction Offices of CSI;
- 3.2 CSI có quyền quyết định thay đổi biểu phí dịch vụ mà không cần thông báo trực tiếp cho Khách hàng, đồng thời Khách hàng cũng coi như mặc nhiên chấp thuận sự thay đổi này. Việc thay đổi này được CSI thông báo công khai tại website hoặc tại Chi nhánh, Phòng giao dịch của CSI;
CSI reserves the right to decide to change the service fee schedule without directly informing the Customer and at the same time, the Customers also deem to accept this change. This change is publicly announced by CSI at the website or at Branch and Transaction Offices of CSI;
- 3.3 Thời gian và phương thức thanh toán phí dịch vụ được Khách hàng thực hiện theo quy định của CSI;
Time and method of service fees payment are performed by Customer in accordance with CSI regulations;
- 3.4 CSI có quyền khấu trừ tiền trên Tài khoản để thanh toán các khoản phí dịch vụ, thuế Khách hàng phải nộp theo quy định.
CSI reserves the right to deduct money from the Account to pay service fees and tax payable by the Customer in accordance with regulations.

Điều 4: Phương thức giao dịch/ Article 4: Method of trading

- 4.1. Khách hàng có thể giao dịch/đặt lệnh chứng khoán, giao dịch tiền bằng cách đến trực tiếp các quầy giao dịch của CSI và điền đầy đủ thông tin vào phiếu yêu cầu (Theo mẫu của CSI cung cấp) hoặc sử dụng phương thức giao dịch trực tuyến theo bản đăng ký dịch vụ tiện ích đính kèm.
Customer can trade/place securities orders, make money transactions by going directly to the CSI transaction counters and filling in the information on the request form (provided by CSI) or using the online trading method according to the attached utility registration form.
- 4.1.1 Đối với giao dịch/đặt lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch của CSI: chữ ký trên văn bản giao dịch và số chứng minh nhân dân/ thẻ căn cước công dân/ hộ chiếu còn thời gian hiệu lực của người thực hiện giao dịch phải trùng với chữ ký và các thông tin đăng ký của Khách hàng hoặc người được Khách hàng ủy quyền tại CSI. Văn bản giao dịch có chữ ký hai bên được hiểu là tài liệu xác nhận giao dịch/đặt lệnh chứng khoán của Khách hàng hợp lệ, được CSI chấp nhận và có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý giữa hai bên.
For transactions/orders placed directly at CSI transaction counters: the signature on the transaction documents and the identity card number/citizen identification card/passport (that have been still in the valid time) of of the person performing the transaction must coincide with the signature and registration information of the Customer or the authorized person at CSI. Transaction documents signed by two parties are understood as documents certifying the validity of transaction/securities orders, accepted by CSI and legally binding between the two parties.
- 4.1.2 Đối với giao dịch/đặt lệnh qua điện thoại: Khách hàng sử dụng số điện thoại đặt lệnh, mật khẩu giao dịch qua điện thoại và/hoặc các thiết bị xác thực khác do CSI cung cấp cho khách hàng tùy từng thời kỳ. Khách hàng đồng ý để CSI ghi âm lại các cuộc đàm thoại có liên quan khi giao dịch/đặt lệnh, chấp thuận các nội dung ghi âm nêu là bằng chứng pháp lý để giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có). Mọi giao dịch thực hiện qua điện thoại có giá trị pháp lý như giao dịch được thực hiện trực tiếp tại các quầy giao dịch của CSI.
For phone transactions/orders: Customer uses the phone number to place orders, passwords for transactions via telephone and/or other authentication devices provided by CSI to customers depending on the time. Customer agrees to let CSI record the relevant conversations when trading/placing orders, approving the recorded contents as a legal proof to resolve disputes arising (if any). All transactions made via phone are legally valid as transactions that are made directly at CSI transaction counters.
- 4.1.3 Đối với giao dịch/đặt lệnh qua Internet: Khách hàng sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu đăng nhập và thẻ ma trận mật mã OTP (hoặc thiết bị xác thực khác do CSI cung cấp tùy từng thời điểm) để giao dịch/đặt lệnh qua internet. Mọi giao dịch/đặt lệnh được gửi đến CSI dưới tên đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thẻ ma trận, mật mã OTP và/hoặc thiết bị xác thực khác do CSI cung cấp tùy từng thời kỳ của Khách hàng đều được hiểu là giao dịch/đặt lệnh của chính Khách hàng và có giá trị pháp lý như giao dịch/đặt lệnh được thực hiện trực tiếp tại các quầy giao dịch của CSI.
For Internet transactions/orders: Customer uses login name, login password and OTP cryptographic matrix card (or other authentication device provided by CSI from time to time) to trade/place orders via the internet. All transactions/orders sent to CSI under username, login password, matrix card, OTP code and/or other authentication device provided by CSI from time to time are understood as Customer's transactions/orders and have legal value such as transactions/orders that are made directly at CSI transaction counters.



4.1.4 Đối với các phương thức khác: theo quy định của CSI

For other methods: according to CSI regulations

4.2. Khi đăng ký mỗi phương thức giao dịch/đặt lệnh, Khách hàng mặc nhiên chấp nhận các quy định và yêu cầu của CSI đối với từng phương thức giao dịch/đặt lệnh đó. Công ty có quyền từ chối nhận lệnh của Khách hàng nếu các thông tin, mã bảo mật do khách hàng cung cấp/khai báo khi giao dịch/đặt lệnh không chính xác.

When registering each transaction/order method, Customer automatically accepts the regulations and requirements of CSI for each transaction/order method. The Company has the right to refuse to receive Customer's orders if the information and security codes provided by Customer during the transaction/order are incorrect.

4.3. Khi đăng ký phương thức giao dịch trực tuyến và sử dụng các dịch vụ giao dịch trực tuyến, Khách hàng hiểu và chấp nhận rằng giao dịch trực tuyến luôn tiềm ẩn những rủi ro làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các giao dịch của Khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn ở các rủi ro sau:

When registering online trading method and using online trading services, Customer understands and accepts that online transactions are always potential risks that affect the performance of Customer's transactions, including but not limited to the following risks:

- Trong khi truyền tải qua mạng internet hoặc sử dụng hệ thống (phần cứng, phần mềm), lệnh giao dịch có thể bị treo, bị ngừng, bị trì hoãn hoặc có lỗi dữ liệu. Đường truyền mạng có thể bị sự cố dẫn đến lệnh của Khách hàng không vào được hệ thống giao dịch trực tuyến của CSI hoặc Khách hàng bị lấy cắp thông tin đăng nhập tài khoản;

While transmitting over the internet or using the system (hardware, software), trading orders can be suspended, stopped, delayed or have data errors. The network connection may be in trouble resulting in the Customer's order not being able to access the CSI online trading system or the Customer being stolen the account login information;

- Việc nhận dạng Khách hàng có thể không chính xác, lỗi về bảo mật có thể xảy ra;

The identification of the Customer may be inaccurate, a security error may occur;

- Giá cả thị trường và các thông tin chứng khoán khác có thể có lỗi hoặc sai lệch;

Market prices and other securities information may contain errors or deviations;

- Mạng viễn thông dùng để đặt lệnh qua điện thoại, tra cứu thông tin giao dịch hoặc nhận thông báo có thể bị sự cố, quá tải hay nghẽn mạch dẫn đến Khách hàng không thực hiện được giao dịch hoặc không nhận được thông tin yêu cầu;

Telecommunication network that used to place orders via telephone, look up transaction information or receive notifications may be in trouble, overloaded or congested, leading to Customer not being able to perform transactions or not receiving requested information;

- Các rủi ro do bất kỳ bên thứ ba nào gây ra bao gồm cả những đối tác cung cấp dịch vụ Giao dịch trực tuyến/điện thoại cho CSI.

Risks caused by any third party include partners providing online/via phone transactions for CSI.

- Các rủi ro có thể xảy ra của các phương thức xác thực đặt lệnh cho Khách hàng;

Risks of order authentication methods for Customers can occur;

4.4 Khách hàng cam kết đã đọc, hiểu rõ về các rủi ro tiềm ẩn trong phương thức giao dịch trực tuyến theo chi tiết trong Bản công bố rủi ro trong giao dịch trực tuyến được CSI đăng tải trên website hoặc công bố tại Chi nhánh, Phòng Giao dịch của CSI.

Customer undertakes to read, understand the potential risks in the online trading method as detailed in the Statement of risks in online transactions posted on the website by CSI or published at the Branch, Transaction Office of CSI.

4.5 Khách hàng đồng ý miễn trừ cho CSI mọi trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm bồi thường các thiệt hại (nếu có) phát sinh từ những rủi ro trong giao dịch trực tuyến trong trường hợp Khách hàng không chứng minh được các thiệt hại này do lỗi trực tiếp hay gián tiếp do CSI gây ra cho Khách hàng khi Khách hàng thực hiện giao dịch trực tuyến.

Customer agrees to exempt CSI from any legal liability and liability for damages (if any) arising from risks in online transactions in case Customer fails to prove these damages whether are caused by a direct or indirect error by CSI to Customer when Customer performs online transactions.

4.6 Khi công ty chấp thuận cho Khách hàng sử dụng các dịch vụ giao dịch trực tuyến, bản ghi âm cuộc gọi (đối với giao dịch qua điện thoại), và bản ghi trên hệ thống giao dịch trực tuyến (phiếu lệnh điện tử, chứng từ điện tử) được lưu tại CSI là chứng từ gốc phản ánh nội dung giao dịch và có hiệu lực pháp lý ràng buộc đối với Khách hàng.

When the Company approves Customer's usage of online transaction services, call recording (for telephone transactions), and records on the online trading system (electronic order slip, Electronic vouchers) stored at CSI are original documents reflecting transaction contents and legally binding for customers.

Điều 5: Quyền, nghĩa vụ và cam kết của Khách hàng/ Article 5: Rights, obligations and commitments of Customer

5.1 Quyền của Khách hàng

Rights of Customer

5.1.1 Sử dụng các dịch vụ do CSI trực tiếp cung cấp hoặc phối hợp với bên thứ ba để cung cấp (nếu có) theo quy định của CSI và/hoặc bên thứ ba.

Use services provided by CSI directly or in coordination with third parties to provide (if any) as required by CSI and / or third parties.

5.1.2 Sở hữu hợp pháp và hưởng các quyền phát sinh từ chứng khoán trên Tài khoản;

Legal ownership and enjoy the rights arising from securities on the Account;



- 5.1.3 Hưởng lãi suất không kỳ hạn theo mức lãi suất không kỳ hạn CSI công bố từng thời kỳ dựa trên lãi suất của các Ngân hàng nơi CSI lưu giữ tiền gửi của Khách hàng;
Enjoy non-term interest rate according to non-term interest rate announced by CSI each period based on interest rates of the banks where CSI maintains customer deposits;
- 5.1.4 Hưởng đầy đủ các khoản lãi phát sinh từ việc giao dịch mua bán chứng khoán, cổ tức, lãi trái phiếu, các quyền khác phát sinh tương ứng với số chứng khoán trong tài khoản giao dịch chứng khoán theo Hợp đồng này;
Entitled to all interests arising from trading securities, dividends, bond interests, and other rights arising in proportion to the number of securities in the securities trading account under this Agreement;
- 5.1.5 Chuyển khoản, rút một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán khỏi tài khoản trong trường hợp tài khoản có đủ số dư và số dư này không bị ràng buộc phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, cầm cố và các nghĩa vụ nợ khác (nếu có);
Transfer, withdraw part or all of the money, securities from the account in case the account has sufficient balance and this balance is not bound to perform payment, pledge and other debt (if any);
- 5.1.6 Đặt lệnh giao dịch chứng khoán, tiền theo quy định, hướng dẫn của CSI và phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và Hợp đồng này;
Place securities trading orders, money in accordance with regulations and guidelines of CSI and in accordance with the provisions of the Law about Securities and this Contract;
- 5.1.7 Nhận thông tin về Tài khoản và kết quả giao dịch chứng khoán, tiền theo cách thức Khách hàng đã đăng ký;
Receive information about Account and stock trading results, money according to the way Customer registered;
- 5.1.8 Thay đổi thông tin Tài khoản, thay đổi/ngừng sử dụng các Dịch Vụ Tiện Ích.
Change Account information, change / stop using Utility Services.
- 5.1.9 Khách hàng được bồi thường thiệt hại nếu CSI vi phạm nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này, mức bồi thường sẽ do các bên thỏa thuận trong từng trường hợp cụ thể hoặc theo quy định của pháp luật.
Customer shall be compensated for damage if the CSI breaches the obligations stipulated in this Contract, the amount of compensation shall be agreed by the parties in each specific case or by law.
- 5.1.10 Chấm dứt Hợp đồng này hoặc đóng Tài khoản bất cứ lúc nào bằng cách thông báo bằng văn bản cho CSI. Khách hàng vẫn phải chịu trách nhiệm đối với tất cả các nghĩa vụ mà Khách hàng xác lập hay cho phép xác lập bao gồm nhưng không giới hạn ở các giao dịch, các khoản nợ hoặc lãi theo quy định tại Hợp đồng này, bất kể phát sinh trước hay sau khi chấm dứt Hợp đồng này. Các Điều Khoản và Điều Kiện của Hợp đồng này vẫn có hiệu lực sau khi chấm dứt Hợp đồng này hoặc đóng Tài khoản của Khách hàng và tiếp tục áp dụng đối với các tranh chấp còn lại hoặc các vấn đề phát sinh từ quan hệ giữa CSI với Khách hàng.
Terminate this Contract or close the Account at any time by notifying in writing to CSI. Customer is still responsible for all obligations established or permitted by Customer, including but not limited to transactions, debts or interest in accordance with this Contract, regardless of arising before or after the termination of this Contract. The Terms and Conditions of this Contract remain in effect after terminating this Contract or closing Customer's Account and continue to apply to the remaining disputes or issues arising from the relationship between CSI with Customers.
- 5.1.11 Ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch về tiền, chứng khoán liên quan đến Tài khoản của mình theo quy định của Pháp luật và CSI.
Authorize others to perform transactions on money and securities related to their Accounts in accordance with the Law and CSI.
- 5.1.12 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
Other rights as prescribed by law.
- 5.2 Nghĩa vụ của Khách hàng**
Obligations of Customer
- 5.2.1 Các thông tin Khách hàng cung cấp cho CSI tại phần đầu của Hợp đồng này và bất kỳ hợp đồng nào khác được ký kết với CSI là những thông tin trung thực, chính xác và cập nhật mới nhất. Trường hợp có sự thay đổi thông tin hoặc phát hiện thông tin sai sót, Khách hàng có trách nhiệm thông báo với CSI và thực hiện thay đổi thông tin Tài khoản theo quy định của CSI. CSI không có trách nhiệm xác minh lại những thông tin mà Khách hàng cung cấp;
The information Customer provides to CSI at the beginning of this Contract and any other contract signed with CSI is the most accurate and up-to-date information. In case of any change of information or detection of erroneous information, Customer is responsible for notifying CSI and making changes to Account information in accordance with CSI regulations. CSI is not responsible for re-verifying the information provided by Customer;
- 5.2.2 Thực hiện thay đổi thông tin Tài khoản, thay đổi/ngừng sử dụng các Dịch Vụ Tiện Ích theo quy định của CSI;
Change account information, change / stop using Utility Services in accordance with CSI;
- 5.2.3 Thường xuyên theo dõi số dư và diễn biến của Tài khoản, kịp thời phản ánh cho CSI những sai sót phát sinh giữa hai bên trong quá trình sử dụng Dịch Vụ Tiện Ích.
Regularly monitor the balance and evolution of the Account, promptly reflect to CSI errors arising between the two parties in the process of using the Utility Services.
- 5.2.4 Khách hàng có trách nhiệm thường xuyên cập nhật và tuân thủ các thông báo, quy định, hướng dẫn đã được công bố trên website của CSI và/hoặc tại các địa điểm giao dịch của CSI.



Customer is responsible for regularly updating and complying with notices, regulations and instructions published on CSI website and/or at CSI transaction locations.

5.2.5 Chấp nhận kết quả giao dịch tiền, chứng khoán thực hiện bởi CSI phù hợp với lệnh đặt giao dịch do Khách hàng hoặc người được Khách hàng ủy quyền thực hiện;

Acceptance of cash and securities trading results performed by CSI in accordance with trading orders placed by Customer or Person authorized by the Customer;

5.2.6 Thanh toán phí dịch vụ, thuế và các loại phí khác cho CSI bằng cách đồng ý cho CSI khấu trừ tiền tại tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán của Khách hàng tại CSI tại Ngân hàng thương mại do CSI chỉ định để thanh toán ngay cho CSI các khoản phí dịch vụ theo biểu phí CSI tại thời điểm thanh toán. Trường hợp Khách hàng không thực hiện nghĩa vụ này, CSI có quyền bán chứng khoán trên Tài khoản của Khách hàng với số lượng bán và giá bán chứng khoán do CSI quyết định để thu các khoản phí dịch vụ theo biểu phí CSI tại thời điểm Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán mà không cần có sự đồng ý của Khách hàng. Khách hàng tiếp tục phải nộp bổ sung tiền hoặc chứng khoán cho CSI trong trường hợp tiền bán chứng khoán này không đủ thanh toán các khoản phí dịch vụ, thuế và các loại phí khác còn thiếu.

Pay service fees, tax and other fees to CSI by agreeing to allow CSI to deduct money from Customer's deposit account at CSI at a commercial bank designated by CSI to immediately pay CSI service fees according to CSI fee schedule at the time of payment. In case the Customer does not fulfill this obligation, CSI has the right to sell securities on the Customer's Account with the quantity and price of securities decided by CSI to collect service fees according to CSI fee schedule at the time when Customers are obliged to pay without the consent of Customers. Customers have to continue to pay additional money or securities for CSI in case the money from selling these securities is not enough to pay for the service fees, tax and other fees that are missing.

5.2.7 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Other obligations in accordance with the Law.

5.3 Các cam kết của Khách hàng

Commitments of Customer

5.3.1 Khách hàng cam kết có đủ năng lực hành vi và thẩm quyền để ký kết Hợp đồng này, đồng thời những thông tin được liệt kê tại Hợp đồng này là đúng sự thật và phải thông báo cho CSI khi phát sinh những thay đổi có liên quan đến thông tin Tài khoản. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ tại khoản này Hợp đồng sẽ được vô hiệu và được xử lý theo quy định tại Hợp đồng này. CSI không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với những hậu quả phát sinh từ việc Khách hàng không nhận được Thông báo giao dịch từ CSI và Khách hàng đồng ý bồi thường cho CSI mọi thiệt hại phát sinh từ việc vi phạm nghĩa vụ này;

Customer undertakes to have sufficient competence and authority to sign this Contract, and that the information listed in this Contract is true and Customer must notify CSI when such changes related to Account's information arise. In case of breach of the obligations in this clause, the Contract will be invalidated and processed in accordance with this Contract. CSI assumes no responsibility for the consequences arising from Customer's failure to receive a Notice of Transaction from CSI and Customer agrees to indemnify CSI for any damages arising from its breach of this obligation;

5.3.2 Khách hàng cam kết đã tìm hiểu và được CSI hướng dẫn đầy đủ về giao dịch chứng khoán, về các quy định khi giao dịch với CSI, đồng thời Khách hàng cũng cam kết sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các hướng dẫn, quy định của CSI về việc sử dụng Tài khoản hoặc thực hiện giao dịch mua/bán chứng khoán trực tuyến. Khách hàng đồng ý rằng khi Khách hàng đặt lệnh mua hoặc bán chứng khoán sẽ không vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ quy định nào của CSI và Pháp luật về chứng khoán.

Customer commits to learn and be fully guided by CSI on securities trading, regulations when dealing with CSI, and Customer also commits to strictly follow the instructions and regulations of CSI on the use of an Account or online purchase/sale transactions. Customer agrees that Customer's placing a buy or sell order will not violate or lead to any violation of any provisions of CSI and the Securities Law.

5.3.3 Khi sử dụng các sản phẩm dịch vụ do CSI cung cấp, Khách hàng cam kết đã hiểu rõ các quy định của CSI liên quan đến sản phẩm mà Khách hàng đang sử dụng, đồng ý với các quy định và biểu phí của CSI đưa ra đối với các sản phẩm đó và cam kết thực hiện đúng các quy định này. Khách hàng phải chịu các chế tài theo quy định của CSI hoặc bên thứ ba trong trường hợp Khách hàng không tuân thủ các quy định của CSI khi sử dụng các sản phẩm do CSI hoặc bên thứ ba thông qua CSI cung cấp.

When using products and services provided by CSI, Customer undertakes to understand regulations of CSI related to the products that Customer is using, agree to the regulations and fee schedule of these products and be committed to complying with these regulations. Customer is subject to sanctions provided by CSI or a third party in case Customer does not comply with CSI regulations when using products provided by CSI or a third party through CSI.

5.3.4 Toàn bộ tiền và chứng khoán trong Tài khoản đều được phát sinh, tạo lập hợp pháp, không có nguồn gốc từ hoạt động rửa tiền và các hoạt động bất hợp pháp khác, và mặc nhiên thuộc quyền sở hữu của Khách hàng;

All money and securities in the Account are generated, legally created, not originating from money laundering and other illegal activities, and are automatically under Customer's ownership;

5.3.5 Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này, bao gồm các giao dịch chứng khoán, tiền thông qua việc sử dụng dịch vụ của CSI sẽ không vi phạm bất cứ luật, pháp lệnh, điều lệ, quy định hoặc quy tắc nào áp dụng đối với Khách hàng hoặc bất cứ hợp đồng nào mà Khách hàng bị ràng buộc hoặc tài sản của Khách hàng bị điều chỉnh;



The signing and execution of this Contract, including securities and money transactions through the usage of CSI services, will not violate any laws, ordinances, rules, regulations or rules whichever applies to Customer or any contract that Customer is bound or Customer's property is adjusted;

5.3.6 Khách hàng đồng ý và thừa nhận các thông báo qua đầu số tin nhắn do CSI chỉ định là một trong các hình thức thông báo của CSI đến Khách hàng;

Customer agrees and acknowledges the notice via the message designated by CSI as one of CSI notification forms to Customer;

5.3.7 Trường hợp do lỗi kỹ thuật hoặc lỗi con người mà CSI hạch toán thiếu hoặc thừa tiền và/hoặc chứng khoán trên Tài khoản của Khách hàng thì Các Bên bên cùng có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp điều chỉnh đúng với giao dịch thực tế. Theo đó, Khách hàng đồng ý ủy quyền cho CSI được toàn quyền truy cập và thực hiện các công việc cần thiết trên Tài khoản của Khách hàng để:

If due to technical errors or human errors that CSI accounts for inadequately or excessively and/or securities on the Customer's Account, the Parties shall be obliged to take corrective measures in accordance with actual transaction. Accordingly, Customer agrees to authorize CSI to have full access to and perform necessary work on Customer's Account to:

(i) Kiểm tra số dư, phong tỏa, thu hồi số tiền trong trường hợp bị chuyển nhầm cho Khách hàng để thanh toán/khấu trừ các khoản phí, phí dịch vụ, thuế (nếu có) của Khách hàng;

Check the balance, blockade, recover the amount in case of wrong transfer to Customer to pay / deduct the fees, service charges, taxes (if any) of Customer;

(ii) Thu hồi các khoản nợ của Khách hàng;

Recovery of Customer's debts;

(iii) Thực hiện các công việc khác để đảm bảo quyền lợi của CSI đối với Khách hàng theo các Hợp đồng/thỏa thuận được ký kết giữa CSI và Khách hàng.

Carry out other works to ensure the interests of CSI for Customer according to the Contracts/agreements signed between CSI and Customer.

5.3.8 Trừ trường hợp Công ty hoặc pháp luật có quy định khác, Khách hàng được đặt lệnh mua chứng khoán nếu đã ký quỹ đủ tiền trên Tài khoản, Khách hàng được đặt lệnh bán đối với số lượng chứng khoán đã có sẵn trên Tài khoản tại ngày giao dịch, Khách hàng cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện khác khi đặt lệnh, sau khi đặt lệnh hoặc thực hiện các giao dịch có liên quan, Khách hàng chỉ được phép sửa đổi lệnh chưa được khớp hoặc phần chưa được khớp của lệnh gốc, và cam kết đã hiểu rõ, tuân thủ các quy định hiện hành của Sở giao dịch chứng khoán. Khi lệnh giao dịch chứng khoán của Khách hàng được khớp, số chứng khoán mua được và/hoặc tiền bán chứng khoán nhận được sẽ được chuyển vào tài khoản theo quy định của CSI phù hợp với quy định hiện hành của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán và Pháp luật, trừ khi gặp sự kiện bất khả kháng;

Unless other regulations provided by the Company or the Law, Customer may place orders to buy securities if Customer has deposited enough money on the Account. Customers are allowed to place a sell order for the amount of securities already available on the Account at the transaction date, Customer commits to ensure other conditions when placing orders, after placing orders or performing relating transactions, Customer is only allowed to modify the unmatched order or unmatched part of the original order and commit to understand and comply with the current regulations of the Stock Exchange. When the Customer's trading orders are matched, the amount of securities bought and/or money sold will be transferred to the account in accordance with the provisions of CSI and in accordance with current regulations of the Securities Depository Center, Stock Exchange and Law, except for force majeure events;

5.3.9 Chấp thuận việc CSI trích/ghi giảm tiền trên tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán của Khách hàng do CSI đứng tên mở tại Ngân hàng thương mại để thanh toán cho CSI các khoản phí dịch vụ, thuế theo biểu phí CSI tại thời điểm thanh toán cũng như thanh toán lệnh giao dịch mua/bán chứng khoán của Khách hàng;

Approving CSI to deduct/write down money on Customer's securities trading deposit account opened by CSI at a Commercial Bank to pay CSI service fees and tax according to CSI fee schedule at the time of payment as well as payment of Customer's buying/selling orders;

5.3.10 Khách hàng có trách nhiệm kiểm tra kết quả giao dịch bằng các phương thức được CSI hỗ trợ và theo dõi các biến động số dư và số phát sinh về tiền và chứng khoán cùng toàn bộ các quyền liên quan đến tiền và chứng khoán trên Tài khoản của mình. Trường hợp có bất kỳ thắc mắc, khiếu nại, khiếu kiện gì liên quan đến Tài khoản của mình, ngoại trừ các nội dung khác quy định tại Hợp đồng này, Khách hàng có quyền gửi Thông báo bằng văn bản đến CSI về các thắc mắc, khiếu nại, khiếu kiện trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh. Sau thời hạn trên nếu CSI không nhận được thông báo nào của Khách hàng thì coi như Khách hàng đã chấp nhận các kết quả giao dịch trên Tài khoản của mình;

Customer is responsible for checking transaction results by methods supported by CSI and tracking changes in balances and amounts arising from money and securities and all rights related to money and securities on your Account. In case there is any question, complaint related to your Account, except for other contents stipulated in this Contract, Customer has the right to send a Notice in writing to CSI about complaints within 02 working days from the date of arising. After the above time limit if CSI does not receive any notice from Customer, it is considered that the Customer has accepted the transaction results on your Account;



- 5.3.11 Khi thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch tiền, chứng khoán trên Tài khoản của mình cũng như việc mình ký hoặc ủy quyền cho người khác ký các văn bản, giấy tờ giao kết, xác nhận với CSI Khách hàng mặc nhiên thừa nhận mình đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đề nghị CSI thực hiện các giao dịch đó trên Tài khoản của mình;
When executing or authorizing another person to perform money and securities transactions on your Account as well as your signing or authorizing another person to sign documents, papers of engagement or confirmation with CSI, Customer automatically acknowledges that it has carefully considered before requesting CSI to perform such transactions on your Account;
- 5.3.12 Khách hàng mặc nhiên thừa nhận giá chứng khoán luôn biến động và trong một số trường hợp có thể trở nên hoàn toàn vô giá trị. Khách hàng thừa nhận rằng luôn có rủi ro tiềm tàng là thua lỗ có thể xảy ra khi đặt lệnh giao dịch chứng khoán;
Customer assumes that stock prices are always volatile and in some cases may become completely worthless. Customer acknowledges that there is always a potential risk such as losses can occur when placing a trading order;
- 5.3.13 Trường hợp Khách hàng phát hiện các thông tin cần bảo mật nêu trên có thể không còn thuộc sự kiểm soát của mình thì cần lập tức thông báo cho CSI biết và thực hiện theo các chỉ dẫn của CSI;
Khách hàng có trách nhiệm bảo mật thông tin trong giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn ở Tên đăng nhập, Mật khẩu giao dịch, Mật khẩu đăng nhập, Mật mã OTP, Thẻ ma trận (hoặc thiết bị xác thực khác tùy từng thời điểm do CSI cung cấp) và các thông tin khác liên quan đến Tài khoản của Khách hàng. Khách hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại và rủi ro phát sinh do Khách hàng không tuân thủ trách nhiệm bảo mật thông tin;
Where the Customer discovers the above confidential information may no longer be under your control, Customer should immediately notify and follow the instructions of CSI;
Customer is responsible for keeping confidential information in transactions, including but not limited to Username, Transaction Password, Login Password, OTP Password, Matrix Card (or other authentication device depending on time provided by CSI) and other information related to Customer's Account. Customer is solely responsible for damages and risks arising from Customer's failure to comply with the responsibility to keep information confidential;
- 5.3.14 Trường hợp Khách hàng đăng ký dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán tự động, Khách hàng đồng ý rằng khi Khách hàng yêu cầu rút tiền hoặc đặt lệnh mua chứng khoán vượt quá số tiền hiện có trên Tài khoản và Khách hàng đang có tiền bán chứng khoán chờ về thì Khách hàng đề xuất và CSI đồng ý cho Khách hàng tự động ứng trước tiền bán chứng khoán để thanh toán cho các giao dịch trên với điều kiện CSI được toàn quyền thụ hưởng số tiền bán chứng khoán của Khách hàng trong trường hợp này mà không cần có bất kỳ sự đồng ý/thỏa thuận nào khác từ phía Khách hàng. Tại ngày thanh toán bù trừ kết quả khớp lệnh bán chứng khoán, Khách hàng mặc nhiên ủy quyền cho CSI được tự động trích số tiền mà CSI đã thanh toán (ứng trước) cũng như phí ứng trước theo biểu phí của CSI quy định trong từng thời kỳ về tài khoản của CSI mà không cần bất kỳ sự đồng ý/thỏa thuận hay giấy tờ nào khác của Khách hàng;
In case Customer registers the service of advance money from selling securities automatically, Customer agrees that when Customer requests to withdraw money or place an order to buy securities in excess of the current amount on the Account and Customer waiting for money from selling securities, Customer will propose and CSI agrees to let Customers automatically advance money from selling securities to pay for the above transactions if CSI is entitled to enjoy the amount of money from selling securities in this case without any other consent/agreement from Customer. At the date of clearing the result of selling securities, the Customer automatically authorizes CSI to automatically deduct the amount that CSI has paid (advanced) as well as the advance fee according to the fee schedule of CSI prescribed each period of CSI account without any consent/agreement or other documents of Customer;
- 5.3.16 Nếu kết quả khớp lệnh bán bị hủy thanh toán theo thông báo của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam vì bất kỳ lý do gì thì Khách hàng sẽ phải hoàn trả lại cho CSI khoản tiền mà CSI đã thanh toán (ứng trước) cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả theo quy định của CSI. Trong thời hạn 03 ngày làm việc nếu KH không thực hiện nghĩa vụ trả nợ này CSI có quyền bán bất kỳ loại chứng khoán nào trên Tài khoản với số lượng chứng khoán và giá bán chứng khoán do CSI quyết định để thu hồi khoản tiền CSI đã thanh toán (ứng trước) cho Khách hàng. Đồng thời Khách hàng có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền ứng trước này trong trường hợp việc bán chứng khoán vẫn không đủ để CSI thu hồi đủ số tiền đã ứng trước.
If the result of the sell order is canceled according to the announcement of the Vietnam Securities Depository for any reason, Customer will have to return to CSI the amount that CSI has paid (advanced) with fees and charges incurred up to the time of refund in accordance with CSI. Within 03 working days if Customer does not fulfill this debt repayment obligation, CSI has the right to sell any securities on the Account with the amount of securities and selling price decided by CSI to recover CSI money that CSI paid (advanced) to Customer. At the same time, Customer is responsible for continuing to pay this advanced amount in case the money from selling securities is still not enough for CSI to recover the advance.

Điều 6: Quyền, nghĩa vụ của CSI và miễn trừ trách nhiệm/ Article 6: Rights and obligations and liability exemption of CSI

6.1 Quyền của CSI

Rights of CSI

- 6.1.1 Hưởng phí cho các dịch vụ cung cấp cho Khách hàng theo biểu phí CSI ban hành theo từng thời kỳ;
Premium for services provided to Customers according to CSI fee schedule issued from time to time;
- 6.1.2 Trích tiền trên tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán của Khách hàng tại Ngân hàng thương mại do CSI chỉ định để thanh toán cho CSI các khoản phí dịch vụ, thuế theo biểu phí CSI tại thời điểm thanh toán;



Deduction of money on Customer's securities trading deposit account at a Commercial Bank designated by CSI to pay CSI service fees and tax according to CSI fee schedule at the time of payment;

6.1.3 Trích/ghi giảm tiền trên tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng thương mại do CSI chỉ định và chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng tại CSI để thực hiện thanh toán lệnh giao dịch của Khách hàng;

Extract/write down money on Customer's deposit account at a Commercial Bank designated by CSI and securities on a securities trading account of Customer at CSI to make payment of Customer's trading orders;

6.1.4 Trường hợp Khách hàng không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào, bao gồm các nghĩa vụ về phí dịch vụ, thuế theo Hợp đồng này, Hợp đồng khác với CSI/Bên thứ 3 (nếu có), Khách hàng được xem là mặc nhiên đồng ý rằng CSI có quyền tự động trích tiền hoặc yêu cầu Ngân hàng chỉ định thanh toán trích tiền từ Tài khoản của Khách hàng hoặc chủ động bán chứng khoán với số lượng bán và giá bán do CSI quyết định để thực hiện thanh toán các nghĩa vụ phát sinh đó. Nếu số tiền và chứng khoán trên Tài khoản không đủ để thực hiện nghĩa vụ, CSI có quyền yêu cầu Khách hàng sử dụng các tài sản khác để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại cho CSI theo quy định hiện hành cho đến khi các nghĩa vụ đó được thực hiện xong;

In case Customer does not perform any obligations, including service fees, tax obligations under this Contract, Different Contract with CSI/3rd Party (if any), Customer definitely agrees that CSI has the right to automatically deduct money or request the Bank to make payment to extract money from the Customer's Account or actively sell securities with the quantity sold and the price decided by CSI to implement payment of such arising obligations. If the amount of money and securities on the Account is not enough to fulfill the obligation, CSI has the right to request the Customer to use other assets to fulfill the obligations and compensate for losses to CSI in accordance with the current regulations until those obligations are done;

6.1.5 CSI không chịu trách nhiệm đối với bất cứ chậm trễ nào trong quá trình thực hiện và thanh toán giao dịch do những tình huống nằm ngoài phạm vi kiểm soát của CSI, hoặc cho việc bất cứ người hoặc bên nào khác (kể cả Khách hàng) không thực hiện mọi công việc cần thiết để có thể thực hiện và thanh toán giao dịch.

CSI is not responsible for any delay in the execution and payment of transactions due to circumstances outside the scope of control of CSI, or for any other person or party (including Customer) who do not perform all necessary work to be able to execute and pay for the transaction.

6.1.6 Nhằm phù hợp với chính sách, kế hoạch hoạt động thực tế và khả năng cung cấp dịch vụ tới khách hàng, cũng như khi có các quy định mới của Pháp luật, CSI bảo lưu quyền được sửa đổi, bổ sung các điều khoản được quy định trong HĐ này và các Phụ lục đính kèm (nếu có). Trong trường hợp có sửa đổi và bổ sung, CSI tiến hành thông báo trên website chính thức của Công ty và tại các Phòng Giao dịch về nội dung được sửa đổi. Các quy định sửa đổi, bổ sung này được áp dụng và điều chỉnh các bên trong quá trình thực hiện giao dịch chứng khoán và sử dụng các tiện ích theo như thông báo của CSI.

In accordance with the policy, actual operational plan and ability to provide services to Customer, as well as when there are new provisions of the Law, CSI reserves the right to amend and supplement the terms specified in this Contract and the attached Appendices (if any). In the event of any amendments and additions, CSI shall notify on the official website of the Company and the Transaction Offices of the revised content. These amended and supplemented regulations are applied and adjust the parties in the process of implementing securities transactions and using the utilities as announced by CSI.

6.1.7 CSI có quyền tạm ngừng/ngừng, giới hạn quyền sử dụng các Dịch Vụ Tiện Ích do CSI cung cấp cho Khách hàng theo Hợp đồng này trong trường hợp CSI xét thấy cần thiết để bảo vệ tài sản của Khách hàng và không làm tổn hại đến CSI. Một phần các Dịch Vụ Tiện Ích mà CSI cung cấp có thể do bên thứ ba chuyển giao sử dụng cho CSI phù hợp với quy định của pháp luật, và Khách hàng phải tuân thủ các hạn chế bổ sung về sử dụng dịch vụ mà CSI thông báo cho Khách hàng tại từng thời điểm, hoặc các hạn chế khác là đối tượng của một thỏa thuận giữa CSI và bên thứ ba chuyển giao quyền sử dụng đó.

CSI reserves the right to suspend, limit the right to use the Utility Services provided by CSI to Customer under this Contract in case CSI considers it necessary to protect Customer's assets and do not harm CSI. A part of the Utility Services provided by CSI may be transferred by a third party to CSI in accordance with the law, and Customer must comply with additional restrictions on use of services that CSI announces to Customer from time to time, or other restrictions that are subject to an agreement between CSI and a third party transferring these rights.

6.1.8 Bất kể các quy định khác của Hợp đồng này, CSI có quyền tạm ngưng hoặc chấm dứt (vào bất kỳ thời điểm nào, có hoặc không có lý do và thông báo trước) toàn bộ hoặc một phần bất cứ Dịch Vụ Tiện Ích nào, hoặc thay đổi các hạn mức giao dịch mà Khách hàng có thể tiến hành thông qua các Dịch Vụ Tiện Ích.

Notwithstanding other provisions of this Contract, CSI reserves the right to suspend or terminate (at any time, with or without reason and prior notice) all or part of any Utility Services, or change the transaction limits that Customer can proceed through the Utility Services.

6.1.9 Từ chối thực hiện lệnh giao dịch tiền, chứng khoán của Khách hàng khi lệnh trái các quy định của Pháp luật và/hoặc các quy định, hướng dẫn của CSI;

Refusing to execute the Customer's money and securities trading orders when the orders are contrary to the provisions of the Law and/or regulations and instructions of CSI;

6.1.10 CSI được quyền sắp xếp, bố trí, thay đổi nhân sự hỗ trợ Khách hàng trong quá trình sử dụng dịch vụ được CSI cung cấp theo quy định của Hợp đồng này.

CSI has the right to arrange and change personnel to assist Customer in the process of using the service provided by CSI in accordance with this Contract.

6.1.11 Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.



Other rights in accordance with the Law.

6.2 Nghĩa vụ của CSI

Obligations of CSI

6.2.1 Thực hiện các giao dịch theo yêu cầu của Khách hàng phù hợp với các quy định của Pháp luật về chứng khoán và Hợp đồng này;

Perform transactions required by Customer in accordance with the provisions of the Law on Securities and this Contract;

6.2.2 Lưu giữ chứng khoán của Khách hàng trên tài khoản lưu ký chứng khoán do CSI đứng tên mở tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam & quản lý tách bạch với chứng khoán của CSI;

Retention of Customer's securities on a securities deposit account opened by CSI at Vietnam Securities Depository Center and managed separately from securities of CSI;

6.2.3 Lưu giữ tiền của Khách hàng trên tài khoản tiền gửi do CSI đứng tên mở tại ngân hàng thanh toán theo quy định và quản lý tách bạch với tiền của CSI;

Retention of Customer's money on a deposit account opened by CSI at a paying bank in accordance with regulations and managed separately from CSI money;

6.2.4 Thông báo kết quả giao dịch theo yêu cầu của Khách hàng; Thông báo số dư tài khoản, các giao dịch đã được thực hiện hàng tháng cho Khách hàng. CSI không chịu trách nhiệm về việc khách hàng không nhận được thông báo kết quả khớp lệnh hay sao kê do lỗi của một bên thứ ba;

Notice of trading results at the request of Customer; Notice of account balance, transactions made monthly to Customer. CSI is not responsible for the customer not receiving notice of result of execution or statement due to a third party's fault;

6.2.5 CSI có trách nhiệm cung cấp và hướng dẫn Khách hàng sử dụng các Dịch Vụ Tiện Ích;

CSI is responsible for providing and guiding Customer to use Utility Services;

6.2.6 Giữ bí mật toàn bộ các thông tin về tài khoản giao dịch của Khách hàng, trừ trường hợp phải cung cấp theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận ủy quyền với Khách hàng;

Keep confidential all information about Customer's trading account, except providing in accordance with the law and the authorization agreement with the Customer;

6.2.7 Không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không có lệnh/ủy quyền của Khách hàng, ngoại trừ các trường hợp CSI có quyền định đoạt theo Hợp đồng này hoặc theo thỏa thuận của các bên tại các hợp đồng khác;

Customer's money and securities must not be used without the Customer's orders/authorizations, except cases where CSI has the right to dispose under this Contract or Agreement by the parties in other contracts;

6.2.8 Bồi thường thiệt hại cho Khách hàng theo quy định của pháp luật nếu các thiệt hại đó phát sinh do lỗi trực tiếp của CSI. Đồng thời CSI chỉ chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại trực tiếp phát sinh từ vi phạm và Khách hàng phải chứng minh được các thiệt hại này một cách hợp lý;

To compensate Customer for damage in accordance with the law if such losses arise due to a direct error of CSI. At the same time, CSI is only responsible for direct damages arising from violations and Customers must prove these damages reasonably;

6.2.9 Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của Khách hàng khi Công ty rút nghiệp vụ môi giới, chuyển đổi, giải thể, chia, tách, hợp nhất hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

Fully implement the obligations under the provisions of the Enterprise Law, Securities Law on the basis of ensuring the interests of Customer when Company withdraws brokerage, conversion, dissolution, division, separation, be recalled License of establishment and operation.

6.2.10 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Other obligations in accordance with the Law.

6.3 Miễn trừ trách nhiệm

Liability exemption

6.3.1 CSI và các đơn vị trực thuộc, người quản lý, nhân viên, người lao động và người đại diện ("Người có liên quan") của CSI không chịu trách nhiệm dưới bất cứ hình thức nào cho những sai sót, thiệt hại hay tổn thất nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ một trong các sự kiện dưới đây:

CSI and its affiliates, managers, employees, employees and representatives ("Related People") of CSI are not responsible in any way for errors, any damage or loss arising directly or indirectly from one of the following events:

a) Sự cố, trục trặc của các thiết bị máy móc, thiết bị điện tử, phần mềm hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào liên quan đến giao dịch trực tuyến/điện thoại;

Problems, malfunctions of equipment, electronics, software or any technical means related to online/telephone transactions;

b) Lỗi của hệ thống hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào liên quan đến giao dịch trực tuyến, điện thoại; lỗi của hệ thống truyền thông tin của nhà cung cấp dịch vụ internet hoặc viễn thông;

Error of the system or any technical means related to online transactions, telephone; error of internet or telecommunications service provider communication system;

c) Lỗi, thiếu sót hoặc vi phạm của Khách hàng hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, bao gồm cả đối tác của CSI trong việc cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến/điện thoại;





Errors, omissions or breaches by Customer or any third party, including CSI partners in providing online/telephone transaction services;

- d) Khách hàng không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin chậm trễ, thiếu sót hay không chính xác cho CSI, bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin về việc thay đổi địa chỉ email, số điện thoại, số fax, Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật mã OTP, Thẻ ma trận và các thông tin khác liên quan bị sử dụng bởi người khác không phải là người được Khách hàng ủy quyền, mất cắp hoặc nghi ngờ đã bị lộ;

Customer does not provide information or provide lately, shortly or inaccurately to CSI, including but not limited to information about changing email address, phone number, fax number, Username, Login Password, OTP Password, Matrix Card and other related information used by someone other than the person authorized, stolen or disclosed;

- e) Khách hàng để mất, mất trộm hay lộ Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật mã OTP, Thẻ ma trận và các thông tin khác liên quan mà CSI cung cấp dẫn đến việc người khác không phải là người được Khách hàng ủy quyền dùng Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật mã OTP, Thẻ ma trận và các thông tin khác liên quan để sử dụng Dịch Vụ Tiện Ích;

Customer to lose, steal or expose Username, Login Password, OTP Password, Matrix Card and other related information provided by CSI leading to others who are not authorized using of Username, Login Password, OTP Password, Matrix Card and other related information to use the Utility Services;

- f) Khách hàng hoặc bên thứ ba nào khác gian lận, giả mạo, che giấu thông tin;

Customer or other third parties commit fraud, forgery, or conceal information;

- g) Bất kỳ sự kiện nào nằm ngoài khả năng kiểm soát của CSI.

Any event beyond the control of CSI.

- 6.3.2 Khách hàng chỉ có quyền yêu cầu CSI và Người Có Liên Quan của CSI chịu trách nhiệm cho các mất mát, thiệt hại, chi phí phát sinh trực tiếp từ lỗi vô ý do cẩu thả hay vi phạm cố ý của CSI hoặc Người Có Liên Quan của CSI và không thuộc một trong các trường hợp trên.

Customer only has the right to request CSI and Related People to be responsible for losses, damages, expenses incurred directly from the negligent or unintentional violation of CSI or Related People of CSI and not one of the above cases.

Điều 7: Luật áp dụng và Giải quyết tranh chấp/ Article 7: Applicable Law and Dispute Resolution

1. Hợp đồng này cùng các Phụ lục, tài liệu khác đính kèm (nếu có) sẽ được giải thích và điều chỉnh bởi Pháp luật Việt Nam. Các nội dung không được quy định tại Hợp đồng này sẽ được Các Bên hiểu và áp dụng theo đúng quy định của Pháp luật.
This Contract and its Annexes and other documents (if any) shall be interpreted and governed by the Laws of Vietnam. The contents not specified in this Contract will be understood and applied by the Parties in accordance with the provisions of the Law.

2. Tất cả các tranh chấp phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên giải quyết trên cơ sở thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp không giải quyết được bằng con đường thương lượng hòa giải, các bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết Tòa án có trụ sở tại Thành phố Hà Nội theo quy định tố tụng dân sự. Các bên có trách nhiệm chấp hành quyết định cuối cùng của Tòa án có thẩm quyền.

All disputes arising from and/or related to this Contract will be resolved by negotiation and mediation. In case it cannot be resolved by way of negotiation, the parties have the right to bring the dispute to resolve at the Court based in Hanoi City according to civil procedure regulations. The parties are responsible for abiding by the final decision of the competent Court..

Điều 8: Hiệu lực hợp đồng/ Article 8: Validity of the contract

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể 01 năm kể từ ngày ký và sẽ mặc nhiên được gia hạn từng năm khi hết hạn nếu Các Bên không có thỏa thuận nào khác.

This contract is valid for 01 year from the date of signing and will be automatically renewed each year upon expiration if the Parties have no other agreement.

2. Một trong các Điều Khoản của Hợp đồng này có thể bị mất hiệu lực, hoặc không thể thực hiện bởi bất cứ nguyên nhân nào sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều khoản còn lại, các Bên vẫn có trách nhiệm thực hiện những Điều khoản còn lại đó theo đúng cam kết trong Hợp đồng này và quy định của Pháp luật.

One of the Terms of this Contract may be invalidated, or cannot be performed by any reason, without prejudice to the validity of the remaining Articles, the Parties are still responsible to implement the remaining Terms in accordance with the commitments in this Contract and the provisions of the Law.

3. CSI có quyền sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp đồng. Văn bản sửa đổi/ bổ sung Hợp đồng sẽ được CSI thông báo cho Khách hàng ít nhất là mười (10) ngày trước ngày áp dụng. Khách hàng đồng ý rằng trong trường hợp Công ty đã thông báo yêu cầu Khách hàng ký văn bản sửa đổi/bổ sung Hợp đồng nhưng Khách hàng không ký lại/không gửi lại cho Công ty và cũng không có văn bản phản đối việc sửa đổi/bổ sung Hợp đồng thì được coi là Khách hàng chấp thuận với các sửa đổi/bổ sung của CSI. Trường hợp này, nội dung sửa đổi/bổ sung Hợp đồng sẽ có hiệu lực ràng buộc đối với Khách hàng với điều kiện là Công ty có thông báo công khai trên website và các Chi nhánh, Phòng giao dịch của CSI về nội dung sửa đổi/bổ sung được áp dụng với Khách hàng.



CSI reserves the right to amend and supplement the contents of the Contract. The Contract amendment/supplement will be notified by CSI to Customer at least ten (10) days before the date of application. Customer agrees that in the event that the Company has notified the Customer to sign a document to amend/supplement the Contract, the Customer does not re-sign/not return it to the Company and there is no written objection, Customer deems to accept with amendment/supplement of CSI. In this case, the amendment/supplement content of the Contract will be binding on the Customer, provided that the Company has made a public announcement on the website and the Branches and Transaction Offices of CSI about the amendment/supplement content are applied to Customers.

4. Hợp đồng này có thể chấm dứt trước hạn trong các trường hợp sau:

This contract may terminate in advance in the following cases:

- Khách hàng yêu cầu chấm dứt Hợp đồng;
Customer requests termination of the Contract;
 - Khách hàng là pháp nhân bị giải thể, phá sản, chia, tách, hợp nhất; khách hàng là cá nhân bị qua đời hoặc mất năng lực hành vi dân sự.
Customer is legal entity that is dissolved, bankrupt, divided, merged and consolidated; customer is individual who died or lost civil act capacity.
 - CSI hủy Hợp đồng, đồng thời yêu cầu Khách hàng thanh toán các chi phí phát sinh và bồi thường thiệt hại (nếu có), do Khách hàng vi phạm nghĩa vụ, thực hiện hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
CSI cancels the Contract, and at the same time requires Customer to pay the arising costs and compensation for damages (if any), due to the Customer's breach of his obligations and conduct of prohibited acts in accordance with the law about securities and stock market.
 - CSI giải thể, phá sản, bị đình chỉ hoạt động, bị thu hồi giấy phép hoạt động.
CSI dissolves, goes bankrupt, is suspended from operation, has its operation license revoked.
5. Khi Hợp đồng chấm dứt theo các trường hợp quy định tại Khoản 8.4 Điều 8 này, Khách hàng hoặc người thừa kế, hoặc kế nhiệm hợp pháp vẫn có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Khách hàng đối với Công ty.
When the Contract terminates under the circumstances specified in Clause 8.4 of Article 8, the Customer or heir, or legal successor, is still responsible for fulfilling the Customer's obligations to the Company.
6. Hợp đồng này gồm 08 Điều và các Phụ lục, Điều khoản kèm theo bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Phiếu yêu cầu thay đổi thông tin, giấy ủy quyền và các phiếu lệnh giao dịch, chứng từ dữ liệu điện tử, dữ liệu ghi âm có liên quan, các dữ liệu thông báo kết quả giao dịch... và bất kỳ văn bản nào được ký giữa Khách hàng và CSI là bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
This contract includes 08 Articles and attached Appendices, Terms including but not limited to: Requests for changing information, authorization form and transaction orders, electronic data vouchers, Relevant recording data, transaction result notification data ... and any documents signed between Customer and CSI are an integral part of this Contract.

Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ một (01) bản để thực hiện. Trường hợp Hợp đồng được lập bằng song ngữ tiếng Việt và một ngôn ngữ khác thì ngôn ngữ Tiếng Việt sẽ là ngôn ngữ cơ sở để giải quyết tranh chấp.

This contract is made in two (02) originals with the same legal value, each Party keeps one (01) copy for implementation. In case the contract is made bilingual in Vietnamese and another language, the Vietnamese language will be the base language to resolve the dispute.





C. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ CUNG CẤP THÔNG TIN THEO FATCA *TERMS AND CONDITIONS OF PROVIDING INFORMATION UNDER FATCA*

Các Điều khoản và Điều kiện về cung cấp thông tin theo FATCA sau đây được áp dụng cho tất cả các KH mở và sử dụng TKGDCK tại CSI nhằm tuân thủ Đạo luật tuân thủ về thuế với các chủ tài khoản ở nước ngoài được Chính phủ Hoa Kỳ thông qua ngày 18/3/2010.

The following Terms and Conditions of providing information under FATCA are applied to all customers who open and use the securities trading account at CSI to comply with Foreign Account Tax Compliance Act that is approved by the US Government on March 18, 2010.

Điều 1. Điều khoản cơ bản

Article 1. Basic terms

FATCA là viết tắt của cụm từ Foreign Account Tax Compliance Act (Đạo luật tuân thủ thuế đối với các chủ tài khoản ở nước ngoài) được Chính phủ Hoa Kỳ thông qua ngày 18/3/2010. FATCA ra đời nhằm ngăn chặn đối tượng nộp thuế tại Hoa Kỳ sử dụng tài khoản mở ở ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ cho mục đích trốn thuế. Là tổ chức tuân thủ FATCA, CSI có nghĩa vụ rà soát, thu thập thông tin của cá nhân hoặc tổ chức đang duy trì tài khoản tại CSI (không phân biệt cá nhân/tổ chức đó là đối tượng Hoa Kỳ hay không) và báo cáo cho Sở Thuế vụ Hoa Kỳ (IRS) một số thông tin về tài khoản KH xác định là đối tượng Hoa Kỳ hay không Hoa Kỳ. Thông tin được thu thập sẽ được sử dụng duy nhất cho mục đích đáp ứng các yêu cầu tuân thủ FATCA và sẽ không được sử dụng theo bất kỳ mục đích nào khác.

FATCA stands for the Foreign Account Tax Compliance that is approved by the US Government on March 18, 2010. FATCA was created to prevent US taxpayers from using an account opened outside the United States for tax evasion purposes. As an organization that complies with FATCA, CSI is obliged to review and collect information of individuals or institutions that maintain accounts in CSI (regardless of whether the individual/organization is American or not) and report to the US Internal Revenue Service (IRS) some information about customer accounts determined to be US or not. Information collected will be used solely for the purpose of meeting FATCA compliance requirements and will not be used for any other purpose.

KH lưu ý, việc không cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu có thể khiến CSI buộc phải phân loại KH là chống đối, theo đó, có thể phải khấu trừ (giữ lại) 30% đối với các khoản thanh toán thuộc diện khấu trừ được chuyển tới/chuyển về từ TKGDCK của KH. CSI sẽ thực hiện điều chỉnh trạng thái FATCA của KH khi nhận được đầy đủ Mẫu thông tin chủ tài khoản và/hoặc các giấy tờ khác theo yêu cầu.

Customers note that failure to provide the required documents may cause CSI to classify customers as opposites, which may deduct (withhold) 30% for deductible payments transferred to/transferred from the customers' securities trading account. CSI will continue to adjust the FATCA status of customers when we receive the full form of account holder and/or other documents as required.

Điều 2. Trách nhiệm của KH

Article 2. Responsibilities of Customers

2.1. Tùy từng trường hợp cụ thể theo kê khai của KH và/hoặc theo nhận biết của CSI, KH có trách nhiệm tìm hiểu, kê khai thông tin chính xác cho CSI theo mẫu W-9/ W-8BEN và ký, đóng dấu (nếu có) hợp lệ. Trong thời gian KH duy trì TKGDCK tại CSI, KH cam kết thông báo cho CSI ngay khi có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến những khai báo ở trên trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi.

2.1. Depending on each specific case as declared by the Customer and/or identified by CSI, Customer is responsible for understanding and declaring accurate information for CSI according to form W-9/W-8BEN and signing and stamping



(if applicable) validly. During the time when the customer maintains a securities trading account at CSI, the customer commits to notify CSI immediately of any changes related to the above statements within 30 days from the date of change.

2.2. KH, theo đây, cho phép CSI báo cáo, thông qua bất kỳ hình thức nào như tài liệu cứng, điện thoại, fax, email, thư hay bất kỳ phương thức liên lạc nào khác, bao gồm nhưng không hạn chế việc truyền tải dữ liệu điện tử, thông tin về KH cho Cơ quan thuế vụ Hoa Kỳ, bất kỳ cơ quan quản lý thuộc Hoa Kỳ hoặc bất kỳ cơ quan quản lý nào khác mà CSI có nghĩa vụ cung cấp thông tin theo pháp luật Việt Nam hiện hành. Các thông tin này bao gồm cụ thể nhưng không giới hạn, chi tiết thông tin về KH hoặc Mọi quan hệ, như là tên và địa chỉ, thông tin giao dịch, số dư tài khoản và Mẫu W-9/ W-8BEN. KH miễn trừ CSI khỏi bất kỳ trách nhiệm nào khi CSI thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của FATCA; theo đó, KH hoàn toàn từ bỏ quyền khiếu nại đối với CSI liên quan đến việc báo cáo thông tin theo quy định của FATCA và/hoặc liên quan đến việc CSI buộc phải khấu trừ (giữ lại) 30% đối với các khoản thanh toán thuộc diện phải khấu trừ được chuyển tới/chuyển về TKGĐCK của KH cho Sở thuế vụ Hoa Kỳ và/hoặc đóng tài khoản của KH.

2.2. Customer, hereby, authorizes CSI to report, in any form such as hard document, telephone, fax, email, mail or any other communication method, including but not limited to transmission of electronic data, customer information to the US Internal Revenue Service, any US regulatory agency or any other regulatory agency that CSI is obliged to provide information in accordance with Vietnamese current law. This information contains specifically but not limited to, detailed information about the customer or relationship, such as name and address, transaction information, account balance and Form W-9/W-8BEN. Customer exempt from CSI from any responsibility when CSI performs to ensure compliance with FATCA regulations; Accordingly, the customer expressly waives the right to appeal against CSI in relation to reporting information under FATCA regulations and/or relating to CSI being forced to withhold 30% of the payment subject to deduction transferred to/transferred from the customer's securities trading account to the US Internal Revenue Service and/or to close the customer's account.

2.3. Tuân thủ các quy định, quy định của FATCA từng thời kỳ, thực hiện đầy đủ các yêu cầu của CSI nhằm đảm bảo việc tuân thủ FATCA, và tuân thủ các quy định, cam kết khác nêu tại Các Điều khoản và Điều kiện về cung cấp thông tin theo FATCA.

2.3. Comply with FATCA's regulations from time to time, fully comply with the requirements of CSI to ensure FATCA compliance, and comply with other regulations and commitments stated in the Terms and Conditions of providing information under FATCA.

2.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của FATCA và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

2.4. Other obligations under FATCA regulations and relevant Vietnamese laws.

Điều 3. Trách nhiệm của CSI

Article 3. Responsibilities of CSI

3.1. Yêu cầu KH nghiên cứu kỹ và tuân thủ các quy định của FATCA được ban hành, sửa đổi từng thời kỳ.

3.1. Requesting customers to study carefully and comply with FATCA regulations issued and amended from time to time.

3.2. CSI có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) kiểm tra độ tin cậy của thông tin mà KH cung cấp liên quan đến FATCA.

3.2. CSI has the right (but no obligation) to check the reliability of the information provided by KH related to FATCA.

3.3. CSI được phép báo cáo thông tin, thông qua bất kỳ hình thức nào như tài liệu cứng, điện thoại, fax, email, thư hay bất kỳ phương thức liên lạc khác, bao gồm nhưng không hạn chế việc truyền tải dữ liệu điện tử, thông tin về KH cho Cơ quan thuế vụ Hoa Kỳ, bất kỳ cơ quan quản lý thuộc Hoa Kỳ bất kỳ cơ quan quản lý nào khác mà CSI có nghĩa vụ cung cấp thông tin theo pháp luật Việt Nam hiện hành. Các thông tin này bao gồm cụ thể nhưng không giới hạn, chi tiết thông tin về KH hoặc mối quan hệ, như là tên và địa chỉ, thông tin giao dịch, số dư tài khoản và mẫu W-9/ W-8BEN.



3.3. *CSI is allowed to report information, in any form such as hard documents, phones, faxes, emails, letters or any other communication method, including but not limited to electronic data transmission, information about the Customer to the United States Tax Agency, any US regulatory agency of any other regulatory authority that CSI is obliged to provide information in accordance with current Vietnamese law. This information is specific but not limited to, detailed information about the Customer or relationship, such as name and address, transaction information, account balance and form W-9 / W-8BE*

3.4. *CSI có quyền tạm ngừng giao dịch, đóng TKGDCK của KH mở tại CSI nếu như KH vi phạm các quy định về việc cung cấp thông tin, cố tình cung cấp thông tin sai lệch hoặc không cung cấp thông tin cá nhân liên quan đến FATCA làm ảnh hưởng đến việc tuân thủ FATCA của CSI.*

3.4. *CSI reserves the right to suspend trading and close the STC's account opening at CSI if the Customer violates the provision of information, intentionally provides false information or does not provide personal information related to FATCA affecting FATCA compliance of CSI*

3.5. *CSI hoàn toàn không chịu trách nhiệm trong một số trường hợp sau:*

3.5. *CSI is not responsible for any of the following cases:*

3.5.1. *KH không tìm hiểu các thông tin và thay đổi liên quan đến FATCA*

3.5.1. *Customer do not research information and changes related to FATCA*

3.5.2. *KH có tình không cung cấp, cung cấp thông tin không đúng thời hạn, cung cấp thông tin sau lịch phục vụ việc rà soát thông tin FATCA của CSI.*

3.5.2. *Customer intentionally does not provide, provide information on time, provides the following information to serve the review of FATCA information of CSI*

3.5.3. *KH bị khấu trừ thu nhập theo yêu cầu của FATCA trong trường hợp KH không đồng ý cung cấp thông tin.*

3.5.3. *Customer are subject to income deduction as required by FATCA in case Customer does not agree to provide information.*

3.5.4. *Các quyền khác theo quy định của FATCA và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.*

3.5.4. *Other rights in accordance with FATCA regulations and relevant Vietnamese laws.*





BẢN TÓM LƯỢC FATCA DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN FATCA SUMMARY FOR INDIVIDUAL CUSTOMER

Vui lòng đánh dấu ✓ để xác nhận “Có” mục này đã được giải thích tóm tắt

Please tick ✓ to confirm “Yes” in this section that has been briefly explained

<input type="checkbox"/>	1. Quý khách là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ? <i>Are you a US citizen or a resident of the United States?</i>
<input type="checkbox"/>	2. Quý khách có nơi sinh tại Hoa Kỳ? <i>You were born in the United States</i>
<input type="checkbox"/>	3. Quý khách có địa chỉ nhận thư hoặc địa chỉ thường trú tại Hoa Kỳ? <i>Do you have a mailing address or permanent address in the United States?</i>
<input type="checkbox"/>	4. Quý khách có số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ? <i>Do you have a telephone number in the United States?</i>
<input type="checkbox"/>	5. Quý khách có chỉ định định chuyên khoản vào một tài khoản mở tại Hoa Kỳ hay định kỳ nhận tiền từ một tài khoản mở tại Hoa Kỳ? <i>Do you designate a transfer to an account opened in the United States or periodically receive money from an account opened in the United States?</i>
<input type="checkbox"/>	6. Có ủy quyền hoặc cấp ủy quyền ký còn hiệu lực đối với tài khoản chính cho một đối tượng có địa chỉ tại Hoa Kỳ? <i>There is a valid authorization for the main account for a person with an address in the United States</i>
<input type="checkbox"/>	7. Có địa chỉ nhận thư hộ hoặc giữ thư tại Hoa Kỳ? <i>There is a mailing address in the United States</i>

Xác nhận:

Confirmation:

Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đã được giải thích tóm lược những yêu cầu quan trọng của đạo luật FATCA theo yêu cầu mở tài khoản và tôi/chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đã hiểu và đồng ý những điều khoản để Ngân hàng có thể duyệt việc mở tài khoản/tiếp tục giao dịch tài khoản. Thêm vào đó, nếu tôi/chúng tôi được xác định tại Đơn đăng ký mở tài khoản, tôi/chúng tôi sẽ cung cấp tài liệu FATCA theo yêu cầu và đưa ra chấp thuận tuân thủ cùng với những mẫu biểu mở tài khoản theo FATCA trong vòng 90 ngày kể từ ngày đăng ký mở tài khoản, nếu không thực hiện như vậy, ngân hàng có quyền từ chối đơn đăng ký mở tài khoản của/chấm dứt giao dịch với tôi/chúng tôi mà không cần đưa ra bất cứ lý do nào./.

I/We certify that I/we have been briefed on the important requirements of the FATCA upon account opening request and I/we certify that I/we understand and agree to terms for the Bank to approve the account opening/account trading continuation. In addition, if I/we are identified at the Account Application, I/we will provide FATCA documents upon request and provide compliance approval with FATCA account opening forms within 90 days from the date of opening an account, if not done so, the bank has the right to refuse an account application/closing trading with me/us without giving any reason./.

